

**BẢNG SỐ 02: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP**

**A. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ - THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP (Đô thị loại III)**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
<b>I</b>	<b>Phường Bắc Sơn</b>						
1	Đường Quang Trung	Đường Thiên Quan	Cổng chi Cục thuế Tam Điệp	10.000	6.000	5.000	
		Cổng chi Cục thuế Tam Điệp	Cầu Lạnh Đông	12.000	7.200	6.000	
2	Đường Ngô Văn Sở	<b>Đường Thiên Quan</b>	<b>Gặp Đường Phan Huy Ích</b>				
		Phía đồi		1.800	1.080	900	
		Phía Suối		700	420	350	
		Đường Phan Huy Ích	Ngã 3 cổng trường dạy nghề gặp đường Trần Phú và đường Huỳnh Thúc Kháng	1.800	1.080	900	
3	Đường Trương Hán Siêu	Đường Quang Trung	Ngã tư gặp đường Trần Phú và đường Vạn Xuân	5.500	3.300	2.750	
4	Đường Suối Ngâm	Đường Quang Trung	Gặp đường Trần Phú	3.600	2.160	1.800	
5	Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	Gặp cổng Trung tâm Y tế Tam Điệp	4.200	2.520	2.100	
		Cổng Trung tâm Y tế Tam Điệp	Gặp đường Vũ Duy Thanh	1.200	720	600	
		Gặp Đường Vũ Duy Thanh	Gặp đường Trần Phú	1.500	900	750	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
6	Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	Đường rẽ vào khu tập thể xây dựng cũ (Cũ là Nhà văn hóa Tổ 10B)	4.000	2.400	2.000	
		Đường rẽ vào khu tập thể xây dựng cũ (cũ là Nhà văn hóa Tổ 10B)	Ngã tư đường Hoàng Quốc Việt( cũ hết công trường PTCS Đồng Giao)	6.500	3.900	3.250	
		Ngã tư đường Hoàng Quốc Việt và đường Đồng Giao (cũ hết công trường PTCS Đồng Giao)	Hết địa phận phường Bắc Sơn	4.500	2.700	2.250	
7	Đường Trần Phú	Ngã 3 công trường CDDNCĐXD	Đường Tạ Uyên	4.500	2.700	2.250	
		Đường Tạ Uyên	Ngã tư đường Đồng Giao, Trần Phú	5.000	3.000	2.500	
		Ngã tư đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	5.500	3.300	2.750	
8	Đường Thanh Niên	Đường Quang Trung	Ngã tư gặp đường Đồng Giao	5.500	3.300	2.750	
		Ngã tư đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	4.000	2.400	2.000	
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xuân Thủy	1.200	720	600	
		Đường Xuân Thủy	Đường Trần Phú	1.800	1.080	900	
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên (cũ đường Tạ Uyên)	3.600	2.160	1.800	
		Đường Thanh Niên	Đường Hoàng Quốc Việt (khu dân cư trận địa pháo)	2.400	1.440	1.200	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
10	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	3.000	1.800	1.500	
11	Đường Vạn Xuân	Ngã tư Đường Trần Phú	Đường Xuân Thủy	2.400	1.440	1.200	
12	Đường Phan Huy Ích (đường Ngô Văn Sở nhánh 1)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở (hết đất bà Hiền)				
		Phía đôi		1.800	1.080	900	
		Phía xuôi		1.000	600	500	
13	Đường HuỳnhThúc Kháng	Ngã 3 công trường CĐĐNCĐXD	Đường Xuân Thủy	1.000	600	500	
14	Đường Xuân Thủy	Đường HuỳnhThúc Kháng (đường rộng 7,0m)	Đường Thanh Niên nối dài	1.000	600	500	
		Đường Thanh Niên nối dài (đất nhà ông Chung)	Đường Trần Hưng Đạo	1.800	1.080	900	
15	Đường Thiên Quan (Quốc lộ 12B cũ)	Đường Quang Trung	Hết địa giới phường Bắc Sơn	5.500	3.300	2.750	
16	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	1.800	1.080	900	
		Đường Thanh Niên	Ranh giới giữa phường Bắc Sơn và xã Quang Sơn	1.200	720	600	
17	Đường Trần Quang Diệu (đường khu dân cư Đồi 3, đường rộng >=7,0m)	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Trung Ngạn.	1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
18	Đường Nguyễn Trung Ngạn (đi qua khu dân cư tổ 2, tổ 4)	Đường Trương Hán Siêu	Trần Quang Diệu đường cũ là đường Nguyễn Trung Ngạn	1.200	720	600	
		Trần Quang Diệu đường cũ là đường Nguyễn Trung Ngạn	Đường Phan Huy Ích (qua suối tổ 2)	1.000	600	500	
19	Đường Trương Công Định (đi qua khu dân cư tổ 13, 6)	Đường Quang Trung	Ngã tư đường rẽ đi Trung tâm Y tế Tam Điệp	1.800	1.080	900	
		Ngã tư đường rẽ đi Trung tâm Y tế Tam Điệp	Đường Vũ Duy Thanh	1.000	600	500	
20	Đường Vũ Duy Thanh (đi theo hướng tổ 10A)	Đường Trần Phú	Đường Tạ Uyên	1.000	600	500	
		Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	1.800	1.080	900	
21	Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu dân cư phía Đông đường Đồng Giao)	Đường Thanh Niên	Gặp Đường Nguyễn Du	1.800	1.080	900	
22	Đường Hoàng Quốc Việt (đường dân cư cũ tổ 19;20)	Đường Quang Trung	Đường Đồng Giao	1.800	1.080	900	
		Đường Đồng Giao	Hết khu dân cư Dãy 9	2.200	1.320	1.100	
		Hết khu dân cư Dãy 10 (khu đất phía Bắc Đồng Giao)	Hết khu dân cư Dãy 15 (khu đất phía Bắc Đồng Giao)	2.200	1.320	1.100	
		Dãy 16 (khu dân cư phía Bắc đường Đồng Giao)	Hết đường	1.200	720	600	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
23	Đường Lý Thường Kiệt (khu dân cư phía Bắc đường Đồng Giao)	Đường Đồng Giao	Hết dãy 9 (khu đất phía Bắc Đồng Giao)	1.800	1.080	900	
		Dãy 10	Hết đường	1.200	720	600	
24	Đường trong khu dân cư phía Bắc Đồng Giao	Từ dãy 2	Đến hết dãy 11	1.800	1.080	900	
		Từ dãy 11	Đến hết dãy 15	1.500	900	750	
		Từ dãy 16	Hết dãy				
		Hướng Nam		1.200	720	600	
		Hướng Bắc		1.200	720	600	
25	Đường Đào Duy Từ (khu dân cư Tổ 19, 20)	Đường rộng từ 5,0m trở lên		2.500	1.500	1.250	
		Đường < 5,0m,		1.500	900	750	
26	Đường trong khu dân cư có quy hoạch đường từ 5,0m trở lên đã được bê tông toàn bộ hoặc một phần bề mặt đường	Khu dân cư tổ 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10A; 10B; 11; 18; 19;20 (cũ khu dân cư tổ 10B; 11; 19;20;4;9)		1.100	660	550	
		Khu dân cư tổ 1, 2, 3, 14, 15 (cũ là các khu dân cư còn lại)		1.000	600	500	
27	Đường có quy hoạch < 5,0m, Các ngách cụt vào nhà, các đường khác chưa có mặt bê tông (Trong tất cả các khu dân cư)			700	420	350	
II	Phường Trung Sơn						

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1	Đường Quang Trung	Ranh giới hành chính giáp phường Yên Bình	Giáp đường Voi Phục	700	420	350	
		Đổi diện đường Trương Hán Siêu	Cầu Lạnh Đông	11.000	6.600	5.500	
		Cầu Lạnh Đông	Hết địa giới phường	6.000	3.600	3.000	
2	Đường Quyết Thắng	Đường Quang Trung	Đường Lê Hồng Phong	6.500	3.900	3.250	
		Đường Lê Hồng Phong	Cổng Quân đoàn I	5.500	3.300	2.750	
3	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Quang Trung	Cầu Ngô Thị Nhậm	4.000	2.400	2.000	
		Cầu Ngô Thị Nhậm	Đường Vũ Phạm Khải	2.100	1.260	1.050	
4	Đường Núi Vàng	Đường Quang Trung	Đường sắt	4.200	2.520	2.100	
		Đường sắt	Đường Vũ Phạm Khải	2.400	1.440	1.200	
5	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Vũ Phạm Khải	Hết địa phận phường Trung Sơn	1.200	720	600	
6	Đường vào 2 bên chợ Đồng Giao	Đường Quang Trung	Đường Lê Đại Hành	2.400	1.440	1.200	
7	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quyết Thắng	Đường Ngô Thị Nhậm	3.000	1.800	1.500	
8	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Quang Trung	Đường Lê Đại Hành	1.500	900	750	
		Đường Lê Đại Hành	Hết đường	1.000	600	500	
9	Đường Voi Phục	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	1.200	720	600	
10	Đường Dốc Diệm	Đường Lê Trọng Tấn	Hết đường thuộc phường	1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
11	Đường Cảnh Hưng	Đường Núi Vàng	Đường Bạch Đằng	1.000	600	500	
12	Đường Lê Đại Hành	Đường Núi Vàng	Nhà ông Mạo (hết Đường, phía Tây Nam chợ Đồng Giao)	1.200	720	600	
13	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Quang Trung (hết đường)	1.800	1.080	900	
14	Đường Ngọc Hồi	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Núi Vàng	1.500	900	750	
15	Đường Bạch Đằng	Đường Quang Trung	Hết đường	1.000	600	500	
16	Đường Đô Đốc Long	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Lê Hồng Phong	1.200	720	600	
17	Đường Đô Đốc Lân (Đường Ngô Thị Nhậm nhánh 2 cũ)	Cầu Ngô Thị Nhậm	Đường Vũ Phạm Khải	2.100	1.260	1.050	
18	Đường Vũ Phạm Khải (đường Núi Vàng cũ)	Ngã ba trụ sở UBND Phường Trung Sơn (đường Núi Vàng)	Đường Ngô Thị Nhậm	2.100	1.260	1.050	
19	Đường Nguyễn Khuyến (nhánh 2 đường Núi Vàng, đập tràn)	Ngã 3 đi đập tràn	Đường Núi Vàng	900	540	450	
20	Đường Lê Trọng Tấn (đường viện 145)	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	1.200	720	600	
		Đường Dốc Diệm	Hết đường thuộc phường	1.000	600	500	
21	Đường Cao Bá Quát (cũ tuyến đường đi qua tổ 13;12;11,mặt đường BT,	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Núi Vàng	1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
22	Đường Chu Văn An (qua tổ 14,23, mặt Đường BT, Đường rộng >=7,0m)	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Núi Vàng	1.000	600	500	
23	Đường Lý Nam Đế (qua dãy 2 tổ 17, mặt đường BT, đường rộng 7,0m)	Đường Vành Đai	Hết địa phận phường Trung Sơn	1.000	600	500	
24	Khu dân cư Núi Vàng (Khu trụ sở UB Phường tổ 22,23 )			900	540	450	
25	Đường ô tô vào được (mặt đường bê tông, xi măng rộng >=7m)			900	540	450	
26	Khu dân cư còn lại			700	420	350	
<b>III</b>	<b>Phường Nam Sơn</b>						
1	Đường Quang Trung	Ranh giới hành chính phường Trung Sơn	Đất nhà bà Lan (thửa số 12, tờ số 8)	8.000	4.800	4.000	
		Thửa đất số 184 (giáp đất nhà bà Minh)	Cổng UBND phường Nam Sơn	7.000	4.200	3.500	
		Cổng UBND phường Nam Sơn	Đường Ngô Thị Sỹ	4.200	2.520	2.100	
		Đường Ngô Thị Sỹ	Hết địa phận phường Nam Sơn	3.000	1.800	1.500	
2	Đường gom dân sinh cầu Vượt	Hết đất Nhà bà Lan (thửa 12, tờ bản đồ số 8)	Hết đất số 184 (giáp nhà bà Minh tờ bản đồ số 12)	2.000	1.200	1.000	
3	Đường Ngô Thị Sỹ	Đường Quang Trung	Hết địa phận phường Nam Sơn	1.100	660	550	

59

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
4	Đường Thung Lang	Đường Quang Trung	Ngã ba hết nhà máy cán thép	2.200	1.320	1.100	
		Ngã ba hết nhà máy cán thép	Hết đường	1.000	600	500	
5	Đường Lam Sơn (rẽ đi Đông Sơn)	Đường Thung Lang (nhà Bát Cậy)	Hết đường	850	510	425	
6	Đường Lê Lai (đường vào ga Đồng Giao)	Đường Quang Trung	Ga Đồng Giao	1.100	660	550	
7	Đường Choong Đền	Đường Quang Trung	Hết Trường cấp 1 Nguyễn Trãi	1.000	600	500	
		Hết Trường cấp 1 Nguyễn Trãi	Hết đường	750	450	375	
8	Đường Thiên Lý	Đường Quang Trung	Đầu núi	1.100	660	550	
		Đầu núi	Hết đường	750	450	375	
9	Đường Bãi Đá	Đường Quang Trung	Hết đường	700	420	350	
10	Đường Hoàng Diệu (vào kho K894)	Đường Ngô Thị Sĩ	Vào kho K894, C302	700	420	350	
11	Đường Lê Hữu Trác (đường H13 đổi tên)	Đường Quang Trung	Cổng H13	1.800	1.080	900	
		Cổng H13	Nhà văn hóa tổ 8	850	510	425	
12	Đường Ngô Sĩ Liên (đường 27/7 cũ)	Đường Quang Trung	Đến hết đường	1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
13	Đường Phan Đình Phùng (đường rộng 7m)	Đường Quang Trung	Đường Trịnh Tú (đường Tô Hiến Thành cũ)	850	510	425	
14	Đường Đinh Công Trứ (Hoàng Hoa Thám cũ) Dãy 2 qua tổ 6,8,10	Đường Thung Lang	Đường Quang Trung	1.000	600	500	
15	Đường Nguyễn Hiền ( 10m)	Đường Quang Trung	Nhà máy nước	800	480	400	
16	Đường Nguyễn Bặc (đường 7m, dãy 2,3 khu 11,12)	Trụ sở UBND phường Nam Sơn	Đường Trịnh Tú (đường Tô Hiến Thành cũ)	850	510	425	
		Đường Trịnh Tú (đường Tô Hiến Thành cũ)	Đến hết đường	1.000	600	500	
17	Đường Đinh Điền (đường 7m, dãy 3,4 khu 11,12)	Trụ sở UBND phường Nam Sơn	Đường Trịnh Tú (đường Tô Hiến Thành cũ)	800	480	400	
		Đường Trịnh Tú (đường Tô Hiến Thành cũ)	Đến hết đường	1.000	600	500	
18	Đường Trịnh Tú	Đường Quang Trung	Đến hết đường	800	480	400	
19	Phạm Thuật Duật	Đường Quang Trung	Đến hết đường	800	480	400	
20	Đường ô tô vào được, có mặt bê tông, đường >=7m từ tổ 2-23			800	480	400	
21	Khu dân cư còn lại của phường			700	420	350	
<b>IV</b>	<b>Phường Tây Sơn</b>						
1	Đường Quang Sơn	Đường Quang Trung	Ngã ba Hồ Xuân Hương	2.400	1.440	1.200	
		Ngã ba Hồ Xuân Hương	Ngã ba Tân Hạ	1.800	1.080	900	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
2	Đường Quang Trung (QL1A)	Cầu lạnh đông	Đường Quang Sơn	6.000	3.600	3.000	
		Đường Quang Sơn	Đất nhà ông Tự	4.800	2.880	2.400	
3	Đường gom dân sinh phía Bắc cầu Vượt (cũ là đường Quang Trung đoạn từ đường Quang Sơn đến Ngặt Kéo)	Đất nhà ông Hóa (đầu cầu vượt)	Hết đất nhà ông Dĩ	2.000	1.200	1.000	
4	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Quang Trung	Đường Quang Sơn	2.400	1.440	1.200	
5	Đường Ngọc Hân Công chúa (đường Z879 - Lũ 279)	Đường Quang Trung	Cổng Z879 - Lũ 279	750	450	375	
6	Đường Chi Lăng	Đường Quang Trung	Cổng nhà máy xi măng Tam Điệp	2.200	1.320	1.100	
7	Đường Đặng Tiến Đông	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Quang Sơn	1.200	720	600	
8	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Đồng Giao	Đường Hồ Xuân Hương	1.800	1.080	900	
9	Đường Phan Bội Châu	Đường Quang Sơn (điểm đỗ xe nhà hàng Kim Sơn)	Giáp suối	1.200	720	600	
10	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Ngọc Hân Công Chúa	750	450	375	
11	Đường Hoàng Quốc Việt (đường dân cư cũ tổ 19,20 phường Bắc Sơn và tổ 1 phường Tây Sơn)	Đường Quang Trung	Đường Đồng Giao	1.200	720	600	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
12	Đường Đồng Giao	Đường Hoàng Quốc Việt	Phạm Văn Đồng (đường Vành đai)	2.400	1.440	1.200	
		Phạm Văn Đồng (đường vành đai)	Đường vào thôn Trại Vòng	1.800	1.080	900	
13	Khu dân cư phường Tây Sơn (phía Nam Đường Đồng Giao)	Đường Hoàng Quốc Việt	Hết trung tâm thể thao thành phố	1.800	1.080	900	
		Hết trung tâm thể thao thành phố	Đường Phạm Văn Đồng	1.200	720	600	
14	Khu dân cư mới trước và sau trụ sở UBND phường Tây Sơn			1.200	720	600	
15	Khu dân cư phía Nam, phía Bắc đường Quang Sơn tổ 7 (liền kề hiệu thuốc Sơn Tùng) - cũ thuộc khu dân cư mới tổ 4, tổ 7			1.000	600	500	
16	Các lô dãy trong thuộc Quy hoạch dân cư mới thuộc tuyến bắt đầu đường Phạm Văn Đồng đường vành đai đến đường vào thôn Trại Vòng			1.000	600	500	
17	Đường còn lại ô tô vào được (mặt Đường hiện trạng bê tông xi măng, đường quy hoạch rộng $\geq 7,0m$ )			750	450	375	
18	Khu dân cư còn lại của phường			700	420	350	
<b>V</b>	<b>Phường Tân Bình</b>						
1	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quang Trung cũ)	Cầu Do	Đường Tôn Thất Tùng (đường vào Bệnh viện điều dưỡng)	4.500	2.700	2.250	
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Thiên Quan (cũ ngã 3 chợ Chiều)	6.000	3.600	3.000	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
2	Đường Thiên Quan (đường 12B)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở	5.200	3.120	2.600	
		Đường Ngô Văn Sở	Đường Vườn Chanh	3.000	1.800	1.500	
		Đường Vườn Chanh	Đường Tráng Sơn	2.100	1.260	1.050	
		Đường Tráng Sơn	Hết tổ dân phố 6	2.000	1.200	1.000	
		Hết tổ dân phố 6	Cầu Thùng	1.200	720	600	
3	Đường Tôn Thất Tùng (đường vào bệnh viện điều dưỡng)	Đường Quang Trung	Bệnh viện điều dưỡng	2.400	1.440	1.200	
		Bệnh viện điều dưỡng	Đường Thiên Quan	1.200	720	600	
4	Đường Đồng Quýt (thuộc tổ 3)	Đường Thiên Quan	Đường Quang Hiến	800	480	400	
5	Đường Vườn Chanh (thuộc tổ 4)	Đường Thiên Quan	Công trụ sở Công ty VLXL tam Điệp	800	480	400	
		Công trụ sở Công ty VLXL Tam Điệp	Giao đường Đồng Quýt và đường Quang Hiến	750	450	375	
6	Đường Quang Hiến (thuộc tổ dân phố 12)	Đường Đồng Quýt	Đầu núi Cửa Khâu	700	420	350	
		Đầu núi Cửa Khâu	Đê sông Bến Đàng	700	420	350	
7	Đường Yên Quang (đi qua tổ 8,9,10)	Đường Lý Quốc Sư	Đường Tráng Sơn	700	420	350	
8	Đường Tráng Sơn (thuộc tổ 10,11)	Đường Thiên Quan	Đền Tráng Sơn	700	420	350	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
9	Đường Cao Sơn (tổ 10 cũ)	Đường Thiên Quan	Đầu núi Địa Lý	700	420	350	
10	Đường Tiên Phong (thuộc tổ 11,12 cũ)	Đường Tráng Sơn	Đường Quang Hiến	700	420	350	
11	Đường Lý Quốc Sư (thuộc tổ 8 cũ)	Đường Thiên Quan	Đường Yên Quang	700	420	350	
		Đường Yên Quang	Đê sông Bến Đàng	700	420	350	
12	Đường Lưu Cơ (thuộc tổ 9 cũ)	Đường Lý Quốc Sư	Đầu núi Gai	700	420	350	
13	Đường Lương Quận Công (thuộc tổ 1;2 cũ)	Đường Quang Trung	Đầu núi Dóng Than	750	450	375	
14	Đường Trần Nhật Duật (thuộc tổ 1 cũ)	Đường Lương Quận Công	Đường Quang Trung	1.000	600	500	
15	Đường Vành Đai	Đường Thiên Quan	Giáp ranh Yên Sơn	700	420	350	
16	Khu giao đất đồi Me			750	450	375	
17	Khu dân cư còn lại			700	420	350	
<b>VI</b>	<b>Phường Yên Bình</b>						
1	Đường Đinh Tiên Hoàng (cũ là đường Quốc Lộ 1A)						

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Phía Tây	Cầu Ghềnh	Đường vào khu dân cư đường vòng (hết đất bà Liễu)	4.000	2.400	2.000	
		Đường vào khu dân cư đường vòng (hết đất bà Thủy)	Cầu Do	3.600	2.160	1.800	
	Phía Đông	Cầu Ghềnh	Đối diện đường Thiên Quan	500	405	310	
2	Khu dân cư đường Vòng						
	Đường Ghềnh (cũ là đường vào nhà máy xi măng Duyên Hà)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đầu cầu (hết đất thành phố)	1.200	720	600	
	Đường vành đai (rộng 35 m)	Từ đường Ghềnh	Đến giáp phường Tân Bình	700	420	350	
	Đường các lô bám đường quy hoạch	Dãy thứ nhất tính từ đường Đinh Tiên Hoàng vào		1.000	600	500	
		Dãy thứ 2 tính từ đường Đinh Tiên Hoàng vào		750	450	375	
		Các lô đất còn lại bám đường quy hoạch		600	410	320	
3	Đường Đồi Cao (cũ đường trường Cơ Giới)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Cổng phụ phía Nam trường Cơ Giới	1.200	720	600	
		Cổng phụ phía Nam trường Cơ Giới	Đường Dốc Diệm	750	450	375	
4	Đường Lý Nhân	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đến hết đường	1.200	720	600	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
5	Đường Dốc Diệm	Nhà văn hoá tổ Quyết Thắng	Đến hết đường	1.000	600	500	
6	Đường Lê Trọng Tấn (giáp hồ Yên Thắng phường Trung Sơn)	Đất nhà ông Tâm	Hết địa phận phường Yên Bình	600	410	320	
7	Đường Đàm Khánh (bên tả sông Khánh)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Đồi Cao	1.200	720	600	
		Đường Đồi Cao	Đến hết đường	600	410	320	
8	Đường Đinh Huy Đạo (bên hữu sông Khánh)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lý Nhân	550	405	310	
9	Đường Đồi Gõ	Đường Đàm Khánh	Đường Lê Trọng Tấn	550	405	310	
10	Đường Yên Bình	Đường Lý Nhân	Đường Đinh Huy Đạo	1.500	900	750	
11	Đường Đồng Xiêm	Đường Lý Nhân	Đường Đinh Huy Đạo	1.300	780	650	
12	Khu trung tâm phường			750	450	375	
13	Trong khu dân cư tổ dân phố Quyết Thắng			550	405	310	
14	Tất cả các đường nhánh trong khu dân cư đi ra trục chính của 6 tổ còn lại			500	400	300	

67

**B. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN**

*ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
I	<b>Trục đường giao thông chính</b>						
1	<b>Xã Đông Sơn</b>						
	Đường Quyết Thắng	Cổng Quân đoàn I	Ngã 3 đường Ngô Thị Nhậm và đầu đường Ninh Tôn	1.700	1.020	850	
	Đường Ninh Tôn (cũ đường Quyết Thắng)	Ngã 3 đường Ngô Thị Nhậm và đầu đường Ninh Tôn	Ngã tư Nông trường chè	1.700	1.020	850	
	Đường Ngô Thị Nhậm	Hết địa giới phường Trung Sơn	Đường Quyết Thắng	1.700	1.020	850	
	Đường Ninh Tôn	Ngã tư Nông trường chè	Ngã 3 trường Văn Hóa	1.700	1.020	850	
		Ngã 3 Trường văn hóa	Ngã 3 đê hồ Mừng	1.100	660	550	
		Ngã 3 đê hồ Mừng	Hết đường	450	270	225	
	Đường đi 701	Ngã 3 Trường văn hóa	Hết đất 701	900	540	450	
		Cổng 701	Đê hồ Đồng Đền	550	330	275	
	Đường Lam Sơn	Ngã tư đường Ninh Tôn	Hết đường (giáp phường Nam Sơn)	800	480	400	
	Đường núi Vàng	Ranh giới hành chính giáp phường Trung Sơn	Đường Lam Sơn	800	480	400	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
2	Xã Yên Sơn						
	Đường Thiên Quan (đường 12B cũ)	Cầu Thùng	Trường tiểu học Yên Sơn	1.100	660	550	
		Trường tiểu học Yên Sơn	Hết thôn Vĩnh Khương	1.400	840	700	
		Hết thôn Vĩnh Khương	Hết địa giới thành phố Tam Điệp	1.100	660	550	
3	Xã Quang Sơn						
	Đường Đồng Giao	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Văn Đồng	2.700	1.620	1.350	
		Đường Phạm Văn Đồng	Đường vào thôn Trại Vòng	2.200	1.320	1.100	
		Đường vào thôn Trại Vòng	Hết địa giới thành phố Tam Điệp	400	240	200	
	Đường Chi Lăng	Hết đất lữ 279	Công nhà máy xi măng Tam Điệp	2.000	1.200	1.000	
		Công nhà máy xi măng Tam Điệp	Ngã 3 đường Ngô Thị Sỹ	1.100	660	550	
	Đường Ngô Thị Sỹ	Ngã 3 đường Ngô Thị Sỹ	Ngã 3 đường Băng Tải	700	420	350	
		Ngã 3 đường Băng Tải	Ngã 3 Tân Nhuận	450	270	225	
	Đường Quang Sơn	Đường Lý Thái Tổ	Đường rẽ trạm cấp nước Quang Sơn	1.600	960	800	
		Đường rẽ trạm cấp nước Quang Sơn	Ngã 3 đường lên đền Thượng	1.100	660	550	
		Ngã 3 đường lên đền Thượng	Ngã 3 Trường tiểu học Quang Sơn	800	480	400	

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Ngã 3 Trường tiểu học Quang Sơn	Ngã 3 đường hồ Than	550	330	275	
Đường thôn Bãi Sái		Ngã 3 đường hồ Than	Ngã 3 đường trục Bãi Sái	550	330	275	
		Ngã 3 đường trục Bãi Sái	Đường thôn Hang Nước	550	330	275	
Đường thôn Tân Trung		Chợ Quang Sơn	Ngã 3 ông Sứ	280	168	140	
		Ngã 3 ông Sứ	Đường Trung Thượng	400	240	200	
Đường Trung Thượng		Đường Quang Sơn	Đường Chi Lăng	450	270	225	
Đường Đền Thượng		Đường Quang Sơn	Đền Thượng	220	132	110	
Đường Trường tiểu học Quang Sơn		Đường Quang Sơn	Trường tiểu học Quang Sơn	350	210	175	
Đường thôn Tân Nhuận		Từ cửa Mạnh Như	Nhà ông Duyệt	220	132	110	
Đường giáp khu chuyên gia Công ty xi măng Tam Điệp		Các lô bóm đường bê tông		550	330	275	
		Các lô dẫy trong		450	270	225	
Đường Téc nước		Téc nước	Đường Quang Sơn (cũ hết đất ông Hùng)	700	420	350	
		Nhà ông Phòng	Đường vành đai	1.100	660	550	
Đường Trần Hưng Đạo		Đường Lê Lợi	Hết đường	2.200	1.320	1.100	
Đường vành đai khu công nghiệp		Đường Quang Sơn	Đường Chi Lăng	1.100	660	550	

ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Các lô đất dãy trong thuộc quy hoạch khu dân cư mới phía Bắc đường Đồng Giao (trừ các lô bám đường Đồng Giao và đường Trần Hưng Đạo)			1.100	660	550	
	Khu dân cư mới phía Nam quảng trường Quang Trung (khu 20ha)			1.800	1.080	900	
<b>II</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Quang Sơn</b>						
	Thôn cận nhà máy xi măng (thôn Tân Trung)			350	210	175	
	Thôn cận nhà máy xi măng (thôn Tân Nam)			350	210	175	
	Thôn cận nội thị (thôn Tân Hạ)			450	270	225	
	Thôn cận nội thành (thôn Trại Vòng)			170	102	85	
	Thôn Thống Nhất			170	102	85	
	Thôn cận trung tâm xã (thôn Tân Thượng)			220	132	110	
	Thôn Tân Nhuận, Bãi Sài			220	132	110	
	Các thôn còn lại			170	102	85	
<b>2</b>	<b>Xã Đông Sơn</b>						
	Thôn 4A; 4B; 4C			350	210	175	
	Các thôn còn lại			220	132	110	
<b>3</b>	<b>Xã Yên Sơn</b>						
	Thôn trung tâm xã (thôn Vĩnh Khương, Đoàn Kết, Yên Phong)			450	270	225	
	Các thôn còn lại			280	168	140	